

VĂN HÓA VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG: MỘT GÓC NHÌN TỪ VÙNG BIÊN GIỚI

VƯƠNG XUÂN TÌNH

Trong phát triển bền vững hiện nay, ít ai không thừa nhận vai trò của văn hóa. Trên bình diện quốc tế, từ chỗ bị ghép vào trụ cột xã hội, văn hóa được xác định là trụ cột thứ tư của phát triển bền vững (UCLG, 2010, tr. 7; Nurse, 2006; Hooper, 2005). Ở nước ta, Nghị quyết Trung ương 5, Khóa VIII đã chỉ rõ: văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển xã hội. Song trong *Chương trình Nghị sự 21* (Chương trình về phát triển bền vững - V.X.T), vai trò của văn hóa lại chưa được chú ý xứng tầm, bởi Chương trình vẫn xác định 3 trụ cột phát triển bền vững là kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Với trụ cột công bằng xã hội, Chương trình cũng chỉ đề cập đến các lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, chất lượng dân số, sức khỏe và giáo dục (Vietnam Agenda 21 Office, 2008, tr. 24-25). Tuy nhiên, khi xây dựng định hướng phát triển nhanh và bền vững, Chính phủ Việt Nam lại xác định “văn hóa làm nên nguồn lực xã hội to lớn, thấm sâu vào quá trình phát triển” (Nguyễn Tấn Dũng, 2010).

Trên thực tế, để văn hóa “thấm sâu vào quá trình phát triển” là công việc vô cùng khó khăn, cần sáng suốt, kiên trì và quyết tâm. Mặt khác, phải cụ thể hóa quan điểm văn hóa là trụ cột thứ tư, văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển của xã hội; đồng thời thể chế hóa để văn hóa hiện

thân trong những chỉ báo về phát triển. Nhằm góp phần giải quyết vấn đề nêu trên, bài báo này sẽ trình bày về trường hợp xây dựng văn hóa là trụ cột thứ tư của phát triển bền vững ở vùng biên giới nước ta. Chọn vùng biên giới để nghiên cứu bởi nơi đây là địa bàn điển hình cho mối quan hệ, thậm chí sự va chạm của các loại hình văn hóa; và cũng điển hình cho vai trò của văn hóa với phát triển bền vững.

1. Văn hóa và sự lựa chọn các loại hình văn hóa cho nghiên cứu phát triển bền vững ở vùng biên giới

Văn hóa vốn có nội hàm rất rộng. Để gắn văn hóa với phát triển bền vững, cần cụ thể hóa trong điều kiện thực tế. Điều ấy có nghĩa, trong bối cảnh phát triển, phải xem xét những loại hình văn hóa nào sẽ có tác động. Theo đó, cần tìm hiểu thực trạng và ảnh hưởng của những loại hình văn hóa ấy, đồng thời đề xuất kiến nghị, giải pháp để phát huy yếu tố tích cực, giảm thiểu tiêu cực của các loại hình văn hóa này.

1.1. Văn hoá (Culture)

Cho đến nay, trên thế giới đã có hàng trăm định nghĩa về văn hóa và sự khác nhau th- ờng do cách tiếp cận. Có thể nêu các dạng định nghĩa về văn hóa nh- sau: 1. *Định nghĩa miêu tả* (định nghĩa văn hóa theo những gì mà văn hóa bao hàm); 2. *Định*

nghĩa lịch sử (nhấn mạnh quá trình thừa kế xã hội, truyền thống dựa trên quan điểm về tính ổn định của văn hóa); 3. *Định nghĩa chuẩn mực* (nhấn mạnh đến các quan niệm về giá trị); 4. *Định nghĩa tâm lý học* (nhấn mạnh quá trình thích nghi với môi trường, học hỏi, hình thành thói quen, lối ứng xử của con người); 5. *Định nghĩa cấu trúc* (chú trọng khía cạnh cấu trúc của văn hóa); và 6. *Định nghĩa nguồn gốc* (xem xét văn hóa từ góc độ nguồn gốc).

Ở tầm phổ quát, có thể sử dụng định nghĩa về văn hóa của UNESCO năm 2002. Theo đó, văn hóa được hiểu “nh- một tập hợp của những đặc trưng về tâm hồn, vật chất, tri thức và xúc cảm của một xã hội hay một nhóm người trong xã hội và nó chứa đựng, ngoài văn học và nghệ thuật, cả cách sống, phương thức chung sống, hệ thống giá trị, truyền thống và đức tin”.

1.2. Lựa chọn loại hình văn hóa cho nghiên cứu phát triển bền vững ở vùng biên giới

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và khu vực hoá hiện nay, vùng biên giới của Việt Nam có vai trò rất quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng. Với hàng nghìn km tiếp giáp 3 nước Trung Quốc, Lào và Campuchia, trải ra hơn 20 tỉnh trong nước, vùng biên giới của Việt Nam là nơi phức tạp về địa hình, phong phú về tài nguyên, giàu có về tiềm lực kinh tế, đồng thời còn đa dạng về tộc người. Những tỉnh có đường biên giới thường là địa phương đa tộc người, với hơn 40 tộc người có mối quan hệ dân tộc xuyên biên giới.

Ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững ở vùng này có nhiều yếu tố, trong đó văn hoá là một yếu tố rất quan trọng. Do tác

động ngày càng mạnh mẽ của toàn cầu hoá và khu vực hoá, vùng biên giới là một trong những hướng chính đón nhận giao lưu. Trong quá trình giao lưu đó, biên giới văn hoá ít khi song trùng với biên giới quốc gia, và thể mạnh thường ở các cường quốc văn hoá, hoặc ở văn hoá của đồng tộc có dân số vượt trội thuộc bên kia đường biên. Sự suy yếu và nhiễu loạn văn hóa ở vùng biên giới không chỉ tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng tới an ninh, quốc phòng. Những cuộc bạo loạn hay bất ổn ở vùng biên giới Tây Nam Bộ, Tây Nguyên, Tây Thanh - Nghệ và Tây Bắc của nước ta thời gian qua đều có tác động của yếu tố văn hóa.

Tuy nhiên, như đã trình bày, văn hóa có nội hàm rất rộng và nhiều loại hình, tùy theo cách tiếp cận. Liên quan đến phát triển bền vững ở vùng biên giới, chúng tôi cho rằng có 4 loại hình văn hóa tác động mạnh nhất, đó là văn hóa tộc người, văn hóa quốc gia, văn hóa đại chúng và văn hóa ngoại lai. Theo đó, vấn đề trước tiên là cần xác định rõ khái niệm, nội hàm của 4 loại hình văn hóa này.

1.2.1. Văn hóa tộc người (Ethnic Culture)

Để hiểu khái niệm văn hóa tộc người, cần xác định thế nào là *tộc người*.

Tộc người (ethnicity) là nhóm người có đặc trưng khác với nhóm khác, thể hiện qua ngôn ngữ, văn hóa và tự giác tộc người. Nội hàm của đặc trưng tộc người là vấn đề còn nhiều ý kiến khác biệt, song ở đây, chúng tôi lấy 3 tiêu chí đã nêu trong xác định thành phần dân tộc¹ của Việt Nam làm chỉ báo cho nội hàm của đặc trưng người đó.

¹ Trong ngôn ngữ Việt, dân tộc, ngoài ý nghĩa là quốc gia (nation), còn được hiểu là tộc người.

Nh- vậy, văn hóa tộc ng- ời đ- ọc hiểu là văn hóa của một cộng đồng tộc ng- ời có đặc tr- ng khác với tộc ng- ời khác.

1.2.2. Văn hóa quốc gia (National Culture)

Về khái niệm văn hoá quốc gia, đến nay ở Việt Nam vẫn chủ yếu được hiểu theo tiếp cận cấu trúc, nhưng chưa có luận giải rõ ràng. Trong những văn kiện quan trọng về văn hoá của Đảng và Nhà nước thời gian qua, đã đề cập đến việc xây dựng nền “văn hoá Việt Nam” tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Có thể lấy ví dụ từ một văn kiện mới nhất, đó là *Chiến lược phát triển văn hoá đến năm 2020*, được Chính phủ phê duyệt ngày 6 tháng 5 năm 2009. Bản chiến lược này chính là sự tiếp tục phát triển và làm sâu sắc thêm Nghị quyết Trung ương 5, Khoá VIII. Theo đó, “nền văn hoá Việt Nam” được hiểu là “nền văn hoá thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam”. Tuy nhiên, tính thống nhất của nền văn hoá Việt Nam cũng chưa được văn kiện làm rõ nội hàm, mà chỉ thể hiện qua việc cả nước thực hiện 5 mục tiêu và 9 nhiệm vụ phát triển văn hoá.

Một số nhà khoa học trong những công trình có liên quan cũng chưa làm rõ quan điểm tiếp cận về “văn hoá quốc gia”. Những công trình đề cập đến các vấn đề cơ bản về văn hoá như của tác giả Trần Quốc Vương (1997), Trần Ngọc Thêm (1998) hay Phan Ngọc (2001)... cũng chỉ nói về văn hoá Việt Nam đa tộc người. Các tác giả Ngô Đức Thịnh và Nguyễn Văn Huy, trong một chuyên luận về “Văn hoá tộc người và văn hoá Việt Nam” (1986) có thể xem như người khai mở khái niệm này. Ở chuyên luận đó, các tác giả đặt văn hoá quốc gia là một loại hình, khi so sánh với các loại hình văn hoá khác như văn hoá tộc người và văn hoá vùng.

Theo các tác giả, trong một đất nước, văn hoá quốc gia được xem như hệ thống chỉnh thể, còn văn hoá tộc người và văn hoá vùng là những tiểu hệ thống, là cái riêng, cái đa dạng trong cái chung. Bản chất của văn hoá quốc gia là *liên văn hoá* và nó là sản phẩm của các quá trình xích lại gần nhau và đồng hoá giữa các tộc người trong một quốc gia. Bên cạnh việc đưa ra quan niệm, các tác giả còn nêu lên những thành tố của văn hoá Việt Nam [được hiểu là văn hoá quốc gia], như hệ tư tưởng, đạo đức, lối sống, khoa học và giáo dục. Với quan niệm như trên, có thể hiểu cách tiếp cận của hai tác giả Ngô Đức Thịnh và Nguyễn Văn Huy là nghiêng về tiếp cận cấu trúc.

Như vậy, dù đề cập gián tiếp hay trực tiếp, ở nước ta, khái niệm văn hoá quốc gia vẫn được hiểu là văn hoá Việt Nam. Các ý kiến đều thống nhất, văn hoá Việt Nam là sự tích hợp của các nền văn hoá tộc người, văn hoá vùng và các loại hình văn hoá khác (văn hoá tôn giáo, văn hoá nghề nghiệp...). Văn hoá Việt Nam còn được hiểu là một hệ thống tổng thể, là cái chung; còn loại hình văn hoá khác là tiểu hệ thống, là cái riêng.

Qua trình bày trên đây, và theo quan điểm của chúng tôi, có thể xây dựng khái niệm văn hoá quốc gia từ hai cách tiếp cận:

- *Tiếp cận cấu trúc*. Với cách tiếp cận này, có thể đồng nhất “văn hoá Việt Nam” và “văn hoá quốc gia” nếu hoán ngữ “quốc gia” là “Việt Nam”. Khi nói “văn hoá Việt Nam”, từ tiếp cận cấu trúc, thường có hàm nghĩa một hệ thống văn hoá tổng thể, tích hợp các loại hình văn hoá, hay còn gọi là “liên văn hoá” (Ngô Đức Thịnh, Nguyễn Văn Huy, 1986).

- *Tiếp cận chức năng*. Với cách tiếp cận này, văn hoá quốc gia bao gồm những

yếu tố chung, phổ quát cho tất cả các tộc người hay nhóm xã hội sống trong quốc gia đó. Trong một quốc gia đa tộc người, cốt lõi của văn hóa quốc gia thường có mối quan hệ với văn hoá chính trị (Political Culture) và tính chính trị của văn hóa. Văn hóa chính trị là sự định hướng truyền thống của các công dân của một quốc gia đối với chính trị, ảnh hưởng đến nhận thức của họ về tính hợp pháp chính trị, qua đó, tạo nên sự đồng thuận giữa các công dân. Còn tính chính trị của văn hóa là sự định hướng của chính sách để tạo nên sự thống nhất văn hóa.

Từ tiếp cận chức năng nêu trên, các thành tố của văn hoá quốc gia trước hết phải dựa trên cơ sở hệ giá trị chung, có tính thống nhất toàn quốc. Những thành tố và giá trị ấy không tự nhiên sinh ra, mà được xây dựng trong quá trình phát triển của đất nước. Với Việt Nam, loại hình văn hoá này đặc biệt rõ nét từ năm 1945 đến nay. Đây là đặc điểm chung trong xây dựng nền văn hoá quốc gia của nhiều nước, và có thể lấy ví dụ từ Singapore - một quốc gia mới thành lập ở thập kỷ 60 của thế kỷ trước. Theo Ananda Rajah, văn hoá quốc gia của Singapore đều mới được tạo lập sau thời điểm này. Truyền thống văn hoá không phải là cái gì kế thừa từ cổ xưa mà hoàn toàn có thể do con người đương đại gây dựng nên (Rajah, 1999).

Mặt khác, để gia tăng văn hóa quốc gia trong một đất nước đa dân tộc, cần phát triển đối thoại giữa các nền văn hóa và chú trọng vai trò văn hóa của người Kinh - tộc chủ thể (Phạm Xuân Nam, 2008). Điều đó sẽ vừa tăng cường tính đa dạng văn hóa, vừa là cầu nối cho hiểu biết lẫn nhau và thắt chặt đoàn kết giữa các tộc người.

Các thành tố của văn hoá quốc gia dưới góc độ tiếp cận chức năng phải được người dân của mọi dân tộc, tôn giáo, giai cấp hay các nhóm xã hội đón nhận, tiếp thu một cách tự giác. Thành tố đó, ngoài ngôn ngữ - yếu tố rất quan trọng để tạo nên sự thống nhất văn hoá, còn là ý thức về quốc gia - dân tộc, được thể hiện qua tư tưởng, đạo đức và lối sống của cộng đồng quốc gia - dân tộc. Tư tưởng, đạo đức và lối sống ấy phải được hiện thân trong tiếp nhận các biểu tượng văn hoá (Cultural Symbol), được thực hiện qua ký ức xã hội (Social Memory) (Fentress, James and Christ Wickham, 1992) hay hành động tập thể (Collective Action) (Todd, 1992) cho mọi công dân. Có thể nêu một số ví dụ: Ý thức về quốc gia - dân tộc, tức một quốc gia Việt Nam thống nhất được thể hiện qua việc tiếp nhận các biểu tượng như quốc kỳ, quốc ca, lãnh tụ Hồ Chí Minh, Thủ đô Hà Nội, ngày quốc khánh 2/9; qua việc ý thức về các dân tộc của Việt Nam là anh em một nhà... Sau nữa, văn hóa quốc gia còn được biểu hiện qua thiết chế văn hóa chung của quốc gia đó, được thực hiện, thấm sâu vào các cộng đồng tộc người và cộng đồng xã hội khác trên đất nước ta. Thiết chế văn hóa quốc gia rất rộng nên trong nghiên cứu này, chúng tôi chỉ tập trung vào thiết chế văn hóa cơ sở.

Thiết chế văn hóa cơ sở là tổ chức hoạt động nghiệp vụ văn hóa ở cơ sở. Thiết chế này có nhiều cấp độ, song ở đây, chúng tôi chỉ xem xét cấp độ làng bản. Ở cấp độ này, thiết chế văn hóa cơ sở có hai yếu tố quan trọng, đó là cơ sở vật chất và các định chế, nội dung hoạt động. Cơ sở vật chất của thiết chế ấy được Bộ Văn hóa - Thể thao - Du lịch quy định trong Thông tư

06/2011/TT-BVHTTDL, đó là nhà văn hóa - khu thể thao thôn².

Hoạt động quan trọng của thiết chế văn hóa cơ sở hiện nay là thực hiện phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, mà nòng cốt là xây dựng gia đình văn hóa và làng văn hóa. Từ ngày 2 tháng 1 năm 2002, Bộ Văn hóa - Thông tin đã ban hành Quyết định số 01/2002/QĐ-BVHTT về Quy chế công nhận Gia đình văn hóa, Làng văn hóa, Khu phố văn hóa, Gia đình văn hóa.

1.2.3. Văn hóa đại chúng (Popular Culture)

Văn hóa đại chúng được hiểu là các hoạt động văn hóa hay sản phẩm thương mại phản ánh/phù hợp hoặc đáp ứng sở thích, mối quan tâm chung của quảng đại nhân dân³. Văn hóa đại chúng còn được gọi là *văn hóa pop*⁴. Trong bối cảnh của nghiên cứu này, chúng tôi giới hạn văn hóa đại chúng là những thông tin về đời sống tự nhiên và xã hội của địa phương, đất nước hay thế giới; những tri thức phổ thông về khoa học, kỹ thuật; những tác phẩm văn học, nghệ thuật phổ biến được truyền tải, công bố bằng các phương tiện thông tin, truyền thông (đài, tivi, internet), xuất bản (sách, báo, tạp chí, văn hóa phẩm), trưng bày (bảo tàng) hay trình diễn

² Trong chiến lược phát triển văn hóa từ nay đến năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt mục tiêu cụ thể: từ năm 2015 đến năm 2020, cả nước phải có 60 - 70% số làng, bản, ấp có nhà văn hóa (Nguyễn Thu Hiền, *Xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở*, <http://www.baomoi.com/Xay-dung-he-thong-thiet-che-van-hoa-co-so/137/3360890.epi>). Xem thêm tiêu chí về Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn (B. Ngân, *Quy định tiêu chí hoạt động của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản*, <http://www.baovanhoa.vn/vanbanmoi/34121.vho>).

³ Popular culture, <http://dictionary.reference.com/browse/popular+culture>

⁴ What is pop culture? <http://www2.ucdsb.on.ca/athens/popculture/Whatpc.htm>

(sân khấu, âm nhạc)...; những sản phẩm thương mại gắn bó chặt chẽ với đời sống văn hóa vật chất, tinh thần của người dân (trang phục, thức ăn, tiện nghi sinh hoạt)...

Có ý kiến còn cho rằng, văn hóa đại chúng là của tầng lớp lao động, tầng lớp bình dân, đối lập với văn hóa của tầng lớp tinh hoa⁵. Tuy nhiên, quan điểm này không thuyết phục và không tương hợp với định nghĩa nêu trên.

Trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập, nhiều khi rất khó phân biệt giữa văn hóa đại chúng và văn hóa ngoại lai. Có những yếu tố văn hóa ngoại lai qua quá trình du nhập vào Việt Nam đã trở thành văn hóa đại chúng, ví dụ như các loại nhạc hip hop, Gangnam Style⁶; các loại thức ăn như bánh mì, bia; các loại trang phục và phục trang như Âu phục, quần bò, áo phông, cách nhuộm tóc...

1.2.4. Văn hóa ngoại lai (Exogenous/ Foreign Culture)

Văn hóa ngoại lai, theo nghĩa rộng là văn hóa ở bên ngoài một nền văn hóa đang xem xét, song thường được coi là văn hóa bên ngoài biên giới quốc gia. Trong bối cảnh nghiên cứu này, chúng tôi giới hạn văn hóa ngoại lai là các loại hình văn hóa tộc người, văn hóa đại chúng, văn hóa quốc gia của quốc gia khác thâm nhập vào Việt Nam nhưng thường có tác động theo chiều hướng tiêu cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam; hoặc sự tác động ấy chưa được thẩm định, đánh giá thấu đáo.

⁵ Popular culture, http://sociology.about.com/od/P_Index/g/Popular-Culture.htm

⁶ Hà Hương, <http://www.thanhnien.com.vn/pages/20121117/lan-song-han-quoc-thanh-cong-cua-van-hoa-dai-chung.aspx>

Như đã trình bày ở phần “văn hóa đại chúng”, trong một số trường hợp, để phân biệt văn hóa ngoại lai và văn hóa đại chúng là không dễ dàng, bởi có sự chồng lấn. Thêm nữa, việc xác định văn hóa ngoại lai của nghiên cứu này phải đặt trong bối cảnh thực tiễn để phục vụ xây dựng cơ sở cho giải pháp quản lý văn hóa ở vùng biên. Bởi thế, những hạn chế của việc xác định là điều khó tránh khỏi và khi ở trường hợp nghiên cứu khác, cần có điều chỉnh cho phù hợp.

2. Nghiên cứu 4 loại hình văn hóa với phát triển bền vững ở vùng biên giới

Khái niệm và nội hàm của 4 loại hình văn hóa nêu trên được dùng như một khung phân tích trong nghiên cứu văn hóa với phát triển bền vững ở vùng biên giới nước ta. Đây là nghiên cứu thực nghiệm của đề tài cấp Bộ “*Một số vấn đề cơ bản về văn hóa trong phát triển bền vững ở các tỉnh biên giới Việt Nam*” của Viện Dân tộc học, do tác giả bài báo này là chủ nhiệm. Nhóm đề tài đã tiến hành nghiên cứu tại 6 làng, thuộc 3 tỉnh ở 3 vùng biên giới Việt - Trung, Việt - Lào và Việt Nam - Campuchia; trong đó có 1 làng người Tày, 1 làng người Nùng ở tỉnh Lạng Sơn; 1 làng người Hmông, 1 làng người Kơ-mú thuộc tỉnh Nghệ An; 1 làng người Chăm, 1 làng người Kơ-me tại tỉnh An Giang. Do dung lượng có hạn của một bài báo, chúng tôi chỉ tóm tắt kết quả nghiên cứu liên quan đến 4 loại hình văn hóa như sau:

Văn hóa tộc người của các dân tộc thiểu số ở cả 3 vùng biên vẫn giữ được nhiều nét bản sắc. Tại vùng biên giới Việt Nam - Campuchia, văn hóa của người Kơ-me và người Chăm còn có quan hệ chặt chẽ với tôn giáo của họ. Trong bối cảnh đó, ngôn ngữ tộc người vẫn được sử dụng chủ yếu ở cộng đồng; nhiều tri thức và thực hành truyền

thống còn được lưu giữ. Sự đổi thay đáng kể của văn hóa tộc người chỉ là nhà cửa và trang phục. Bởi vậy, văn hóa tộc người vẫn có vai trò quan trọng trong đảm bảo sinh kế (canh tác nông nghiệp, khai thác tài nguyên, buôn bán và đi làm ăn xa), trong cố kết cộng đồng và ổn định xã hội. Tuy nhiên, văn hóa tộc người cũng tạo điều kiện cho một số hoạt động phi pháp, nhất là hoạt động xuyên biên giới, như buôn lậu, ma túy, bắt cóc phụ nữ và trẻ em, nôi phi... Đặc biệt, trong bối cảnh xây dựng biên giới hữu nghị giữa Việt Nam với 3 nước Trung Quốc, Lào và Campuchia; trong sự phát triển của công nghệ thông tin, văn hóa tộc người là cơ sở để việc kết nối quan hệ dân tộc xuyên biên giới, xuyên quốc gia càng thêm rộng mở. Điều đó sẽ đem lại nhiều cơ hội phát triển cho các tộc người, song cũng đặt ra những thách thức trong quản lý mối quan hệ dân tộc, nhất là quan hệ tộc người với quốc gia.

Văn hóa quốc gia ở 3 vùng biên giới đã được chú trọng trong những năm qua, song chưa đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ mới. Loại hình văn hóa này ghi được dấu ấn tương đối đậm nét tại một số nơi thuộc vùng biên giới Việt - Trung, nhưng chưa đậm nét ở vùng biên giới Việt - Lào và còn mờ nhạt tại vùng biên giới Việt Nam - Campuchia. Ngôn ngữ phổ thông của các tộc người thuộc vùng biên giới phần lớn còn hạn chế, nhất là với phụ nữ và người già. Các biểu tượng văn hóa quốc gia còn chưa in đậm trong lòng dân. Thiết chế văn hóa cơ sở chưa đảm bảo, nhiều nơi xây dựng mang tính hình thức, mới chú trọng nhu cầu vật chất mà chưa lưu ý nội dung hoạt động. Mặt khác, các cộng đồng ở vùng biên giới Việt Nam - Campuchia lại chưa có nhà văn hóa và nhiều sinh hoạt văn hóa được thực hiện ở cơ sở tôn giáo. Điểm đáng lưu ý là văn hóa quốc gia

chưa được chú trọng ở tầm lý luận, kể cả khái niệm và nội hàm. Những thực hành có liên quan đến văn hóa quốc gia phần nhiều mang tính kinh nghiệm. Bởi vậy, đến nay vẫn chưa có chiến lược đủ tầm để phát triển văn hóa quốc gia ở vùng biên giới.

Văn hóa đại chúng đã có bước phát triển nhất định ở vùng biên giới, song mới chỉ ở bề rộng mà chưa có chiều sâu. Người dân các dân tộc nơi đây tiếp cận loại hình văn hóa này chủ yếu qua tivi, video và một số sách báo được cấp phát; còn radio là phương tiện ít được ưa chuộng, trừ một số theo đạo Tin Lành. Tivi khá phổ biến ở các hộ gia đình vùng biên, trong đó nhiều hộ có đầu video. Một số loại báo được cấp phát miễn phí cho các thôn bản, vì hầu hết các cộng đồng dân cư ở vùng biên đều thuộc vùng đặc biệt khó khăn. Tuy nhiên, do hạn chế về tiếng phổ thông nên nhiều người dân chủ yếu xem các chương trình văn nghệ trên tivi, và phần lớn chỉ thưởng thức được kỹ thuật trình diễn, còn nội dung lại ít hiểu. Một số cộng đồng sử dụng video thường để xem băng đĩa phim hay ca nhạc phát bằng tiếng dân tộc mình do nước ngoài sản xuất. Báo chí được cấp phát nhưng ít người đọc, thậm chí đọc không hiểu. Truyền hình của các tỉnh dành thời lượng nhất định để phát bằng tiếng dân tộc tại địa phương mình, song những hộ gia đình ở vùng lũng lại không thu được. Nhiều hộ gia đình nghèo phải đi làm thuê hay khai thác tài nguyên, hộ gia đình canh tác rẫy phải ở lán trại phần lớn thời gian trong năm không có điều kiện xem tivi, video và đọc báo. Tác động chủ yếu của văn hóa đại chúng với đồng bào các dân tộc thiểu số hiện nay là đáp ứng nhu cầu giải trí, và còn hạn chế ở nhu cầu nhận thức.

Văn hóa ngoại lai đang phát triển mạnh mẽ ở cả 3 vùng biên giới, với sự tác động cả tích cực và tiêu cực đến đời sống kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng; tác động đến văn hóa tộc người và văn hóa quốc gia của nước ta. Văn hóa ngoại lai có nhiều dạng thức, song đáng chú ý là những tôn giáo mới, nhất là đạo Tin Lành; là các loại hình văn hóa của phương Tây và một số nước phát triển ở châu Á; là “văn hóa đen”; văn hóa của quốc gia láng giềng, và văn hóa của tộc người bên kia đường biên song đã tiếp biến do hấp thụ văn hóa quốc gia của họ và hấp thụ những nền văn hóa khác. Văn hóa ngoại lai được truyền tải vào vùng biên giới qua buôn lậu, qua trôi nổi trên thị trường tự do, qua các phương tiện truyền thông khó kiểm soát như đài, tivi, internet, điện thoại di động... Loại hình văn hóa này đáp ứng một phần nhu cầu giải trí, thông tin của người dân; mặt khác, lại góp phần xói mòn, nhiễu loạn văn hóa tộc người. Văn hóa đó cũng làm gia tăng tệ nạn ở vùng biên giới như mại dâm, ma túy, bạo lực... Và đặc biệt, loại hình văn hóa này góp phần thúc đẩy có kết tộc người xuyên biên giới và làm phai nhạt ý thức quốc gia - dân tộc của một bộ phận dân cư ở vùng này.

Kết luận, kiến nghị và giải pháp

Qua nhận diện văn hóa tại vùng biên giới nước ta, có thể xác định, để văn hóa trở thành trụ cột thứ tư cho phát triển bền vững ở vùng này, cần *tăng cường yếu tố văn hóa quốc gia; giữ gìn, phát huy giá trị của văn hóa tộc người; nâng cao văn hóa đại chúng; đẩy lùi ảnh hưởng tiêu cực của văn hóa ngoại lai; qua đó, văn hóa góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ vững chắc quốc phòng, an ninh.*

Từ những kết luận nêu trên, chúng tôi đề xuất một số kiến nghị cho việc phát triển văn hóa ở vùng biên giới của nước ta như sau:

1. Xây dựng hệ thống lý luận và quy hoạch về phát triển văn hóa ở vùng biên giới mang tầm chiến lược để đáp ứng yêu cầu về an ninh, quốc phòng và phát triển kinh tế - xã hội tại vùng này.

2. Tăng cường yếu tố văn hóa quốc gia ở vùng biên giới để vừa làm phong phú văn hóa tộc người, vừa tạo nên sự cố kết vững chắc giữa các tộc người với quốc gia - dân tộc và đẩy lùi ảnh hưởng tiêu cực của văn hóa ngoại lai.

3. Chú trọng giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tộc người của các dân tộc thiểu số ở vùng biên giới trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ biên giới quốc gia.

4. Thúc đẩy sự phát triển của văn hóa đại chúng trên cơ sở đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu hưởng thụ văn hóa của các dân tộc ở vùng biên giới, đồng thời văn hóa đại chúng phải là phương tiện hữu hiệu để truyền tải và phát triển văn hóa tộc người, văn hóa quốc gia.

5. Đẩy lùi những ảnh hưởng tiêu cực của văn hóa ngoại lai với phát triển bền vững của các dân tộc vùng biên giới, với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền quốc gia Việt Nam.

Để thực hiện 5 kiến nghị đã nêu, chúng tôi đề xuất 5 giải pháp tương ứng như sau:

1. Cần xây dựng hệ thống lý luận và quy hoạch phát triển văn hóa ở vùng biên,

trong đó phải làm sâu sắc và cụ thể hơn nữa loại hình văn hóa quốc gia, mối quan hệ của văn hóa quốc gia với văn hóa tộc người, văn hóa đại chúng và văn hóa ngoại lai. Quy hoạch cần có tính thống nhất và liên thông từ cấp Trung ương đến thôn/bản ở vùng biên.

2. Để tăng cường văn hóa quốc gia, cần phát triển mạnh mẽ giáo dục ở vùng biên, mà trọng tâm là các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Hmông - Dao và Hán Tạng ở biên giới Việt - Trung, Việt - Lào; các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me ở biên giới Việt - Lào và Việt Nam - Campuchia. Chú trọng song ngữ dân tộc thiểu số - tiếng phổ thông, đặc biệt với đồng bào Khơ-me. Cấp phát quốc kỳ cho các thôn/bản ở ven biên giới và quy định người dân treo cờ hàng ngày. Chuyển ngôn ngữ của quốc ca sang tiếng các dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng biên và phát quốc ca với ngôn ngữ đó trên đài phát thanh và truyền thanh vào thời gian thích hợp. Xây dựng và cấp phát cho đồng bào các băng đĩa phim, ca nhạc bằng tiếng dân tộc với nội dung hướng về đại đoàn kết dân tộc, về quốc gia - dân tộc Việt Nam. Nâng cao chất lượng hoạt động của thiết chế văn hóa cơ sở, trong đó chú trọng đầu tư về điều kiện vật chất để đáp ứng quy định của Bộ Văn hóa - Thể thao - Du lịch; khẩn trương xây dựng nhà văn hóa - khu thể thao thôn ở cộng đồng các dân tộc vùng biên giới Việt Nam - Campuchia; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa của cộng đồng, tiếp nhận văn hóa quốc gia, nâng cao văn hóa đại chúng và đẩy lùi ảnh hưởng tiêu cực của văn hóa ngoại lai.

3. Xây dựng chương trình điều tra, đánh giá những giá trị văn hóa tộc người ở vùng biên và việc bảo tồn, phát huy các giá

trị ấy, trong đó lưu ý xây dựng các trung tâm văn hóa từ cấp vùng đến cấp làng bản, bằng cách lồng ghép với việc xây dựng nhà văn hóa - khu thể thao. Những trung tâm văn hóa vùng có thể kết hợp với quy hoạch phát triển đô thị ở vùng biên. Chú trọng phát triển văn hóa công nghệ (Industrial Culture) để vừa đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa, vừa giữ được những giá trị cốt lõi của văn hóa tộc người.

4. Tập trung xây dựng hệ thống truyền hình phát trên vệ tinh cho các tỉnh vùng biên giới. Tăng cường các chương trình phát tiếng dân tộc trên truyền hình của Trung ương và địa phương gắn với phát triển văn hóa tộc người và văn hóa quốc gia ở vùng biên. Thực hiện cấp phát hoặc trợ giá tivi cho những nhóm cư dân sinh sống dài ngày ở lán trại trên nương rẫy, nhất là cư dân của các tộc người như Khơ-mú, Hmông, Dao...; cư dân của các dân tộc Chăm, Khơ-me đi khai thác thủy sản ở nơi xa vào mùa nước nổi. Chú trọng xây dựng các cụm truyền thanh cấp thôn bản.

5. Trên cơ sở phát triển văn hóa tộc người, văn hóa quốc gia và văn hóa đại chúng, tiếp tục xây dựng những biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn tác động tiêu cực của văn hóa ngoại lai, nhất là ở vùng biên giới Việt - Trung và Việt Nam - Campuchia. Vận động người dân thực hiện nghiêm chỉnh *Luật biên giới quốc gia* và các quy định của địa phương, của biên phòng liên quan đến biên giới. Quản lý có hiệu quả việc sử dụng internet, việc mua bán các văn hóa phẩm qua biên giới và các hoạt động tôn giáo tín ngưỡng trái phép ở vùng biên.

Tài liệu tham khảo

1. Rajah, Ananda (1999), "Making and Managing Tradition in Singapore: The National Day Parade", in: *Reading Materials, Vietnamese - Thai Collaborative, Intensive Training Workshop on Research Methodology, Faculty of Social Sciences, Chiang Mai University, Sep. 20 - Nov. 7, 1999.*

2. Hooper, Antony (Editor) (2005), *Culture and Sustainable Development in the Pacific*, ANU E Press and Asia Pacific Press, The first edition in 2000, Asia Pacific Press.

3. B. Ngân, *Quy định tiêu chí hoạt động của Nhà văn hoá - Khu thể thao thôn, bản*, <http://www.baovanhoa.vn/vanbanmoi/34121.vho>

4. Nguyễn Tấn Dũng (2010), "Phát triển nhanh và bền vững là quan điểm xuyên suốt trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ta", *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, ngày 16 tháng 7, http://www.cpv.org.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=30257&cn_id=413129

5. Fentress, James and Christ Wickham (1992), *Social Memory: New Perspectives on the Past*, Oxford: Blackwell.

6. Nguyễn Thu Hiền, *Xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở*, <http://www.baomoi.com/Xay-dung-he-thong-thiet-che-van-hoa-co-so/137/3360890.epi>

7. Hà Hương, *Làn sóng Hàn Quốc: Thành công của văn hóa đại chúng*, <http://www.thanhnien.com.vn/pages/20121117/lan-song-han-quoc-thanh-cong-cua-van-hoa-dai-chung.aspx>

8. Nurse, Keith (2006), *Culture as the Fourth Pillar of Sustainable Development*, <http://www.fao.org/SARD/common/ecg/2785/en/Cultureas4thPillarSD.pdf>

9. Phạm Xuân Nam (2008), *Sự đa dạng văn hóa và đối thoại giữa các nền văn hóa - Một góc nhìn từ Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

10. Phan Ngọc (2002), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn học, Hà Nội.

11. Popular culture, <http://dictionary.reference.com/browse/popular+culture>

12. Popular culture, http://sociology.about.com/od/P_Index/g/Popular-Culture.htm

13. Trần Ngọc Thêm (1997), *Tìm hiểu bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.

14. Ngô Đức Thịnh, Nguyễn Văn Huy (1986), “Văn hoá tộc người và văn hoá Việt Nam”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4.

15. Todd, Sandler (1992), *Collective Action: Theory and Application*, University of Michigan Press.

16. CLG (2010), *Culture: Fourth Pillar of Sustainable Development*, <http://www.google.com.vn/search?client=firefox-a&rls=org.mozilla%3Avi%3Aofficial&channel=s&hl=vi&source=hp&q=UCLG%2C+Culture%3A+Fourth+pillar+of+sustainable+development&meta=&btnG=T%3ACm+v%E1%BB%9Bi+Google>

17. Vietnam Agenda 21 Office (2008), *Sustainable Development Implementation in Vietnam*, Hanoi. <http://www.rrcap.unep.org/nsds/uploadedfiles/file/gms/vn/reference/NSDS-VN-Sustainable%20Development%20Implementation.pdf>

18. Trần Quốc Vượng (1998), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

19. What is pop culture? <http://www2.ucdsb.on.ca/athens/popculture/Whatpc.htm>



Bản ng- ời Kham-mú ở xã Tà Cạ, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An

Ảnh: Thu Hà

